

**THỐNG KÊ
THI THỬ VÀO LỚP 10 THPT LẦN 2**

STT	Đơn vị	TS HS K9	Điểm thi môn Tiếng Anh												Điểm TB	Vị thứ
			Dự thi	Trên TB		0	0.1 ->1.0	1.1->2.4	2.5->5	5->6.4	6.5->7.9	8->8.9	9->9.9	10		
	Tổng	4975	3788	2789		0	0	50	949	925	906	514	415	29		
	Tỉ lệ %		76,1%	73,6%		0,0%	0,0%	1,3%	25,1%	24,4%	23,9%	13,6%	11,0%	0,8%	6,305	
1	An Lư	214	155	114	73,5%	0	0	1	40	36	32	29	14	3	6,390	12
2	Cao Nhân	154	110	86	78,2%	0	0	0	24	40	24	15	6	1	6,227	16
3	Chính Mỹ	112	85	45	52,9%	0	0	2	38	26	10	3	6	0	5,241	30
4	Dương Quan	129	98	85	86,7%	0	0	0	13	25	23	21	15	1	6,992	3
5	Hoà Bình	183	144	110	76,4%	0	0	2	32	31	41	19	18	1	6,490	11
6	Hoa Đông	170	116	80	69,0%	0	0	3	33	23	28	14	15	0	6,194	18
7	Hoàng Động	137	105	45	42,9%	0	0	3	57	22	14	7	2	0	4,914	31
8	Hợp Thành	117	104	62	59,6%	0	0	3	39	30	17	8	7	0	5,606	28
9	Kiên Bái	162	111	75	67,6%	0	0	1	35	23	22	20	9	1	6,113	21
10	Kỳ Sơn	118	87	72	82,8%	0	0	0	15	24	22	16	10	0	6,589	8
11	Lại Xuân	182	144	105	72,9%	0	0	1	38	56	37	9	3	0	5,773	24
12	Lâm Động	110	86	60	69,8%	0	0	1	25	16	24	10	8	2	6,285	14
13	Lập Lễ	182	110	84	76,4%	0	0	0	26	18	27	19	20	0	6,739	7
14	Lê Ích Mộc	316	266	234	88,0%	0	0	2	30	32	51	55	87	9	7,664	1
15	Liên Khê	165	127	83	65,4%	0	0	3	41	35	31	13	4	0	5,667	26
16	Lưu Kiếm	212	171	136	79,5%	0	0	2	33	55	47	19	15	0	6,287	13
17	Minh Đức	147	109	90	82,6%	0	0	1	18	22	44	16	8	0	6,587	9
18	Minh Tân	154	109	87	79,8%	0	0	3	19	26	32	16	11	2	6,567	10
19	Mỹ Đông	119	101	70	69,3%	0	0	3	28	24	31	8	6	1	5,928	22
20	Ngũ Lão	179	127	100	78,7%	0	0	3	24	42	39	14	5	0	6,163	19
21	Nguyễn Văn Cừ	225	145	90	62,1%	0	0	2	53	32	31	20	7	0	5,755	25
22	Phả Lễ	99	68	41	60,3%	0	0	2	25	22	12	4	3	0	5,313	29
23	Phan Chu Trinh	171	138	81	58,7%	0	0	6	51	28	26	14	13	0	5,652	27
24	Phục Lễ	134	86	78	90,7%	0	0	1	7	23	31	15	9	0	6,860	5
25	Quảng Thanh	151	130	95	73,1%	0	0	0	35	33	31	17	14	0	6,235	15
26	Tam Hưng	120	150	130	86,7%	0	0	0	20	40	36	32	22	0	6,940	4
27	Tân Dương	115	82	59	72,0%	0	0	0	23	23	23	7	6	0	6,131	20
28	Thiên Hương	172	128	108	84,4%	0	0	0	20	26	31	15	33	3	7,084	2
29	Thủy Đường	187	153	125	81,7%	0	0	2	26	34	34	27	26	4	6,809	6
30	Trần Hưng Đạo	228	180	111	61,7%	0	0	2	67	42	37	22	9	1	5,842	23
31	Trần Nhật Duật	111	63	48	76,2%	0	0	1	14	16	18	10	4	0	6,210	17